

Số: 01/2024/QĐST- DS

Nho Quan, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST -KDTM, ngày 26/6/2024.

XÉT THẤY:

Thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: N1; Địa chỉ: T, số A đường T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc L – chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh T – Chức vụ: Quyền Giám đốc N1 chi nhánh N2;

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Hoàng H – Phó giám đốc chi nhánh; Ông Nguyễn Huy S ; Ông Trần Minh T1 - Ngân hàng TMCP Đ – chi nhánh N2

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L1 sinh năm 1962 và bà Trần Thị T2 sinh năm 1959 Địa chỉ: Thôn S, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Trần Thị T2: ông Nguyễn Văn L1

2. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn T3 sinh năm 1962 và bà Trần Thị T4; Địa chỉ: Thôn X, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình

-Người đại diện theo ủy quyền của ông **Phạm Văn T3** và bà **Trần Thị T4**: ông **Nguyễn Văn L1**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Theo Hợp đồng tín dụng số 40850/12/HĐ ngày 31/7/2012, ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T4** còn nợ **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền như sau:

Tính đến hết ngày 08/9/2024, ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** còn nợ **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền như sau: Nợ gốc 180.000.000 đồng, nợ lãi cộng dồn: 285.404.167 đồng, lãi phạt quá hạn: 138.761.458 đồng. Tổng số tiền nợ là 604.165.625 đồng (Sáu trăm linh tư triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng)

2.2 Về phương thức trả nợ: Thời hạn trả nợ: chậm nhất ngày 30/6/2025.

Trả nợ hết tổng số tiền nợ là 604.165.625 đồng (Sáu trăm linh tư triệu, một trăm sáu mươi lăm nghìn, sáu trăm hai mươi lăm đồng) trong đó **N** gốc 180.000.000 đồng, nợ lãi cộng dồn: 285.404.167 đồng, lãi phạt quá hạn: 138.761.458 đồng. và tiền lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng từ 09/9/2024 đến thời điểm trả hết nợ

Trường hợp ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** hợp tác trả nợ, **Ngân hàng** sẽ xem xét trình cấp thẩm quyền phê duyệt miễn giảm phần lãi phạt quá hạn (tính đến hết ngày 08/9/2024 là 138.761.458 đồng để tạo điều kiện cho ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** tất toán khoản nợ).

Ngân hàng TMCP Đ tiếp tục quản lý giấy tờ về quyền sở hữu, sử dụng của tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 753785 do **UBND huyện N** cấp ngày 16/07/2002 cho ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 753860 do **UBND huyện N** cấp ngày 16/07/2002 cấp cho ông **Phạm Văn T3** và bà **Trần Thị T4**.

Sau khi ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** trả hết các khoản tiền nợ gốc và nợ lãi như đã nêu trên thì **Ngân hàng TMCP Đ** giải chấp các tài sản đã thế chấp, trả lại ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** và ông **Phạm Văn T3** và bà **Trần Thị T4** giấy tờ về quyền sở hữu của tài sản thế chấp.

2.3. Nếu phía ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền nêu trên, thì **Ngân hàng TMCP Đ** có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 40129/12/HĐ ngày 27/07/2012 giữa ông **Nguyễn Văn L1** và bà **Trần Thị T2** với **Ngân hàng TMCP Đ** và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất số 40227/09/HĐ ngày 21/05/2009 giữa ông **Phạm Văn T3** cùng bà **Trần Thị T4** với **Ngân hàng TMCP Đ** để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: **Ngân hàng TMCP Đ** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: ông **Nguyễn Văn L1** và Bà **Trần Thị T2** không phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho **Ngân hàng TMCP Đ** số tiền 13.871.000 đồng (*Mười ba triệu, tám trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*), số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001303 ngày 25/6/2024.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND H. Nho Quan;
- Dương sự;
- Chi cục THADS – H. NQ
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Thị Thanh Nhàn